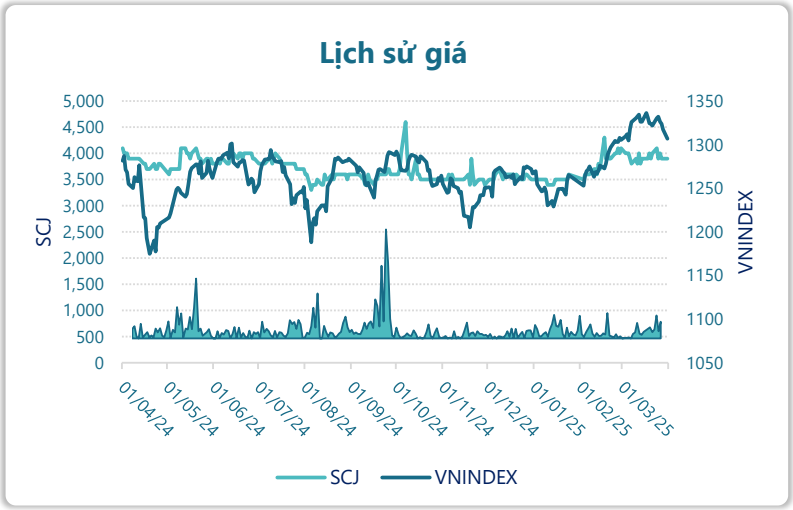
FireAnt

CTCP Xi măng Sài Sơn (UPCOM: SCJ)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,300
SL cổ phiếu LH	57,839,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,935
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	226
P/E	24.8
EPS	158

DT thuần

Q1/25

253

tỷ VNĐ

QoQ: ▼121| -32.2%

YoY: ▼37.0| -12.6%

LN sau thuế

Q1/25

-3.20

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.11| -165%

YoY: ▼3.54| -1042%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.6%

+/- YoY: ▼ 3.6%

DT thuần

2024

1,277

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 101| 8.5%

LN sau thuế

2024

12.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.63| 58.7%

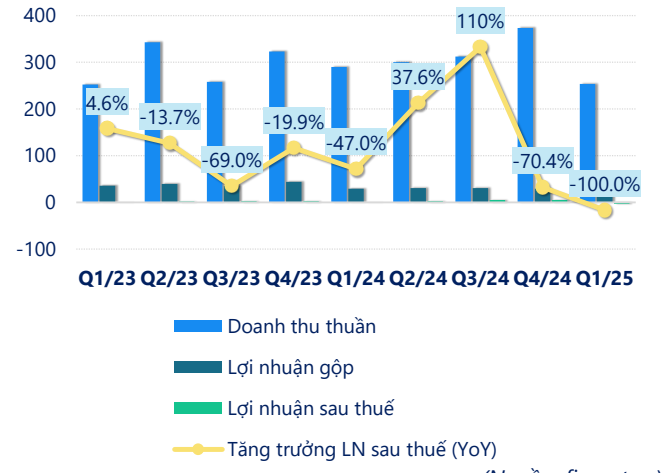
ROE

2024

1.8%

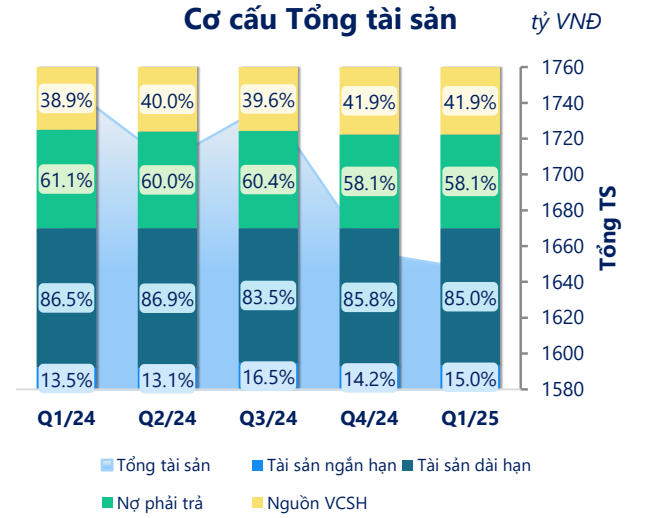
+/- YoY: ▲ 0.5%

Kết quả kinh doanh



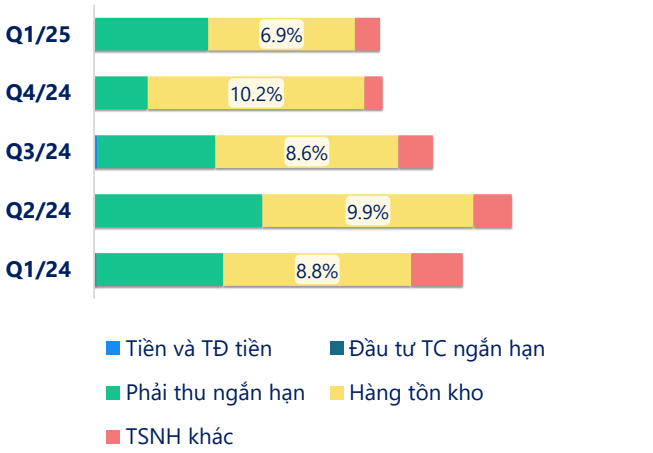
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



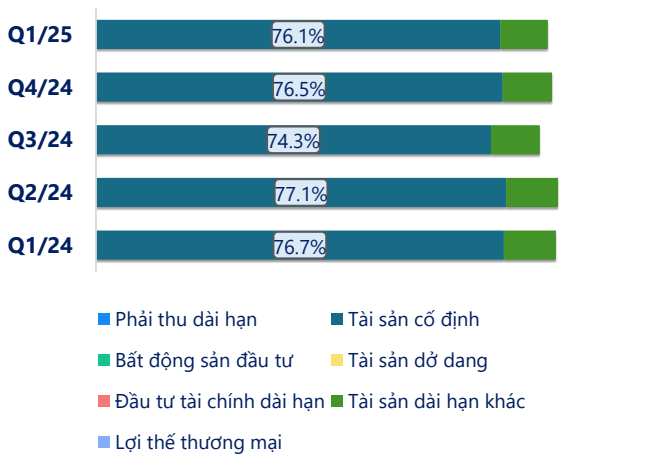
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



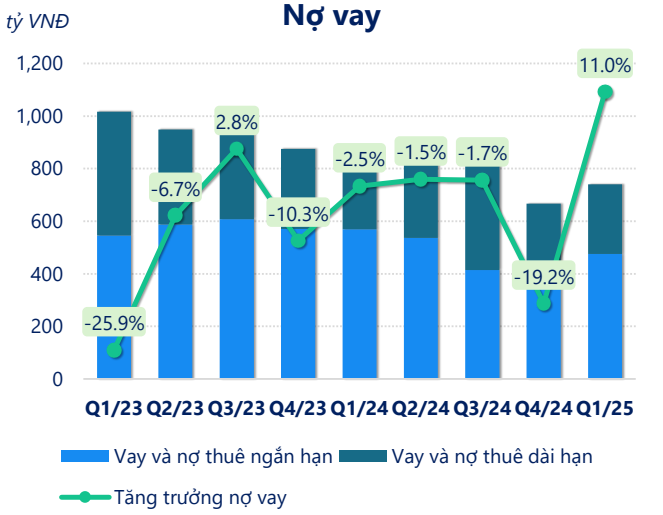
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



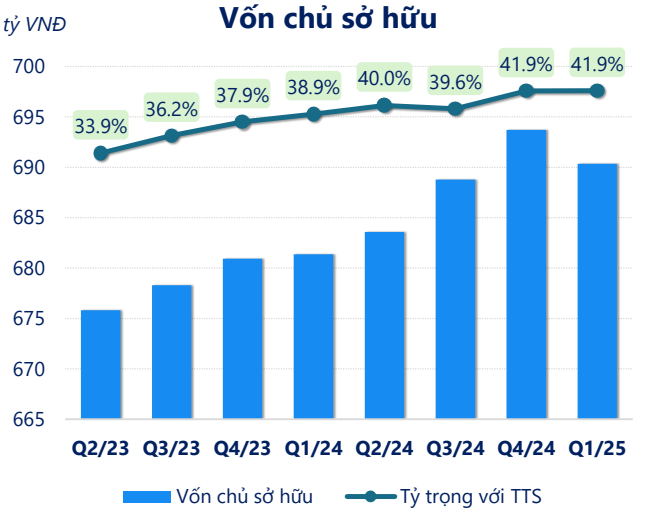
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



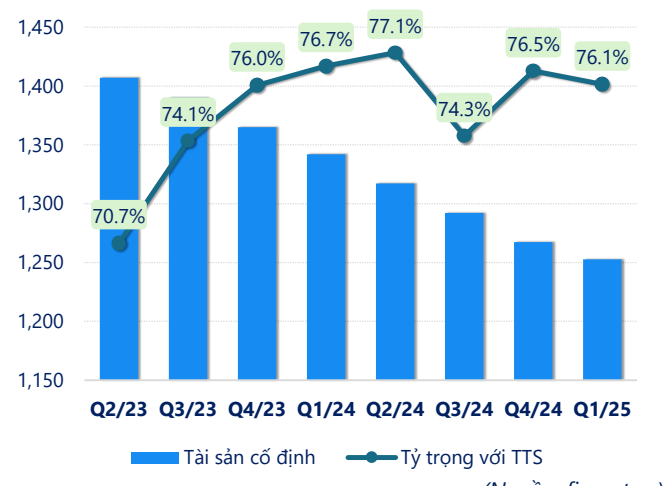
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



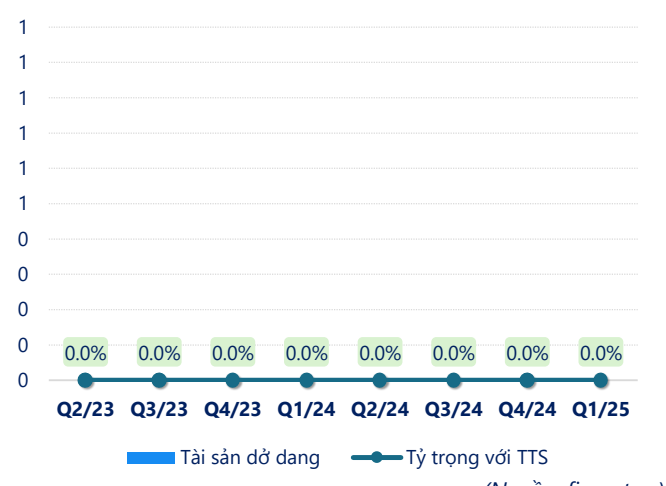
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



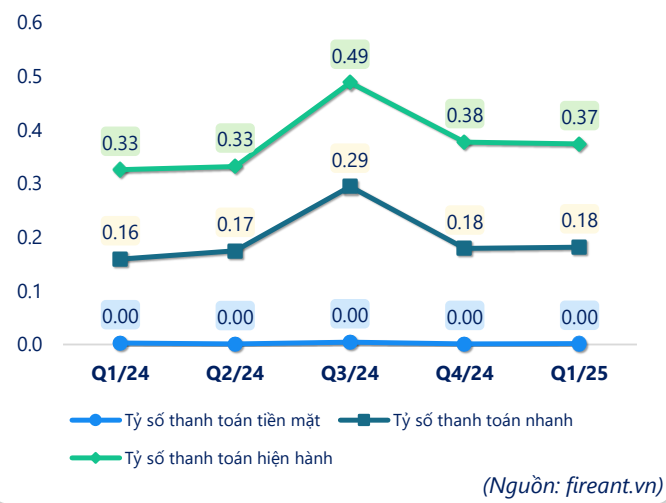
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



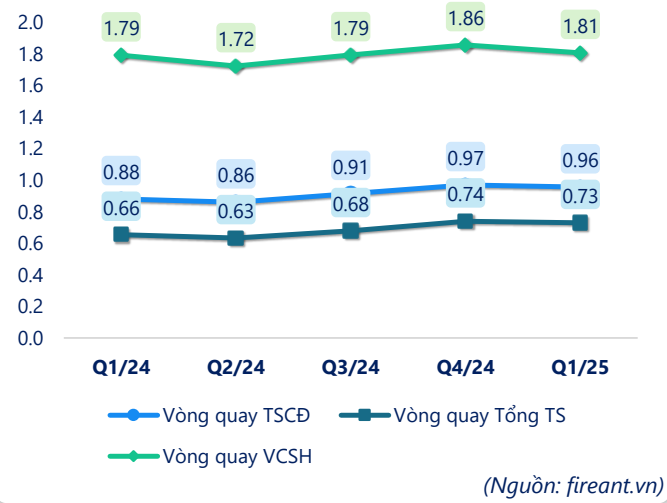
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,750**	**1,707**	**1,739**	**1,657**	**1,647**
Tài sản ngắn hạn	**236**	**224**	**287**	**236**	**247**
Tiền và tương đương tiền	1.90	0.68	2.57	0.85	1.02
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	2.00
Phải thu ngắn hạn	92.8	104	165	111	106
Hàng tồn kho	121	106	114	124	127
Tài sản ngắn hạn khác	20.5	13.3	6.00	0.39	10.5
Tài sản dài hạn	**1,514**	**1,483**	**1,452**	**1,421**	**1,400**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,342	1,317	1,292	1,267	1,253
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	172	166	160	154	148
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,069**	**1,024**	**1,050**	**963**	**957**
Nợ ngắn hạn	**724**	**675**	**589**	**625**	**661**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	569	536	414	383	476
Phải trả người bán ngắn hạn	39.7	101	145	218	157
Nợ dài hạn	344	349	461	338	296
Vay và nợ thuê dài hạn	284	304	412	284	264
Nguồn vốn chủ sở hữu	**681**	**684**	**689**	**694**	**690**
Vốn chủ sở hữu	**681**	**684**	**689**	**694**	**690**
Vốn điều lệ	578	578	578	578	578
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)